

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/NQ-HĐND

Thới An Đông, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc cho ý kiến về dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2027**  
**phường Thới An Đông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG**  
**KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;*

*Căn cứ Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc cho ý kiến dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ;*



Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 các nguồn vốn ngân sách địa phương và cho ý kiến về dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông về việc giao chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông về việc điều chỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (lần 1);

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phường Thới An Đông;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông về việc điều chỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (lần 2);

Xét Tờ trình số 103/TTr-UBND, ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Thới An Đông về việc cho ý kiến danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2027 phường Thới An Đông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất dự kiến danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2027 phường Thới An Đông là 43,295 tỷ đồng cho 16 dự án, cụ thể trong đó gồm:

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2026 sang năm 2027: 12 dự án, với số vốn 39,095 tỷ đồng.

- Dự án chuẩn bị đầu tư năm 2027: 04 dự án, với số vốn 4,200 tỷ đồng.

(Chi tiết theo phụ lục)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Đồng thời, có trách nhiệm hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2027 khi được thành phố giao số vốn chính thức và hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật trình Hội đồng nhân dân phường vào kỳ họp gần nhất.

b) Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân phường, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông khóa XIII, kỳ họp thứ năm thông qua và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIX;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ngành, đơn vị thuộc phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Thủy Trinh**





Phụ lục  
Danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2027

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                                             | Địa điểm XD                                      | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời gian KC HT | Quyết định phê duyệt dự án/nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 |                | Kế hoạch vốn năm 2026          |                | Dự kiến kế hoạch năm 2027      |                | Ghi chú |                                |                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------|--------------------------------|----------------|
|     |                                                                                                                                                                                                                           |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                  | TMDT                                     |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |         | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |
|     |                                                                                                                                                                                                                           |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)           | Trong đó: NSDP |                                |                |                                |                |         |                                |                |
|     | TỔNG SỐ                                                                                                                                                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 133.088                                  | 133.088        | 128.776                        | 128.776        | 38.150                         | 38.150         | 43.295  | 43.295                         |                |
| I   | Dự án khởi công mới và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2026                                                                                                                                                        |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 2.724                                    | 2.724          | 2.604                          | 2.604          | 2.604                          | 2.604          |         |                                |                |
|     | Lĩnh vực Quản lý nhà nước                                                                                                                                                                                                 |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 2.724                                    | 2.724          | 2.604                          | 2.604          | 2.604                          | 2.604          | -       | -                              |                |
| 1   | Điều chỉnh cục bộ Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/5000 quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (các vị trí trên địa bàn phường Thới An Đông sau khi sáp nhập thực hiện chính quyền 2 cấp) | P. Thới An Đông                                  | Điều chỉnh cục bộ khu vực Thới Thuận (nay là khu vực 9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2026-2028       | Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 18/6/2026                 | 321                                      | 321            | 321                            | 321            | 321                            | 321            |         |                                |                |
| 2   | Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy trụ sở làm việc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công an phường Thới An Đông                                                        | P. Thới An Đông                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2026-2028       |                                                           | 2.403                                    | 2.403          | 2.283                          | 2.283          | 2.283                          | 2.283          | -       | -                              |                |
| II  | Dự án chuyển tiếp năm 2026 sang năm 2027                                                                                                                                                                                  |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 99.165                                   | 99.165         | 94.972                         | 94.972         | 35.546                         | 35.546         | 39.095  | 39.095                         |                |
|     | Lĩnh vực giáo dục                                                                                                                                                                                                         |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 8.393                                    | 8.393          | 8.072                          | 8.072          | 4.146                          | 4.146          | 3.443   | 3.443                          |                |
| 1   | Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phòng, lớp Trường Tiểu học Thới An Đông 1 (nay là Trường Tiểu học Thới An Đông (trường chính))                                                                                            | P. Thới An Đông                                  | Xây dựng hàng rào mặt trước và cổng trường, xây dựng mới lớp học 2 tầng (04 phòng học), nhà vệ sinh, cải tạo nhà vệ sinh hiện hữu, cải tạo khối lớp học (Thay thế mái tole, xà gỗ, trần và một số công tác khác liên quan đến tháo dỡ), hệ thống PCCC, thoát nước khu vực khối phòng học xây mới, hoàn trả sân, di dời nhà xe, bể nước, thiết bị khối lớp học | 2026-2028       | 1467/QĐ-UBND ngày 11/6/2026                               | 8.393                                    | 8.393          | 8.072                          | 8.072          | 4.146                          | 4.146          | 3.443   | 3.443                          |                |
|     | Lĩnh vực giao thông                                                                                                                                                                                                       |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |                                                           | 64.789                                   | 64.789         | 61.648                         | 61.648         | 21.603                         | 21.603         | 26.397  | 26.397                         |                |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường rạch Xẻo Điều                                                                                                                                                                               | KV Thới Hưng (nay là Khu vực 8), P. Thới An Đông | Đường giao thông khoảng 600mx4m, khoảng 08 vị trí công ngang đường, gia cố bờ sông những vị trí cách mép đường <=1,5m, di dời hệ thống điện - nước                                                                                                                                                                                                            | 2026-2028       | 1420/QĐ-UBND ngày 08/6/2026                               | 5.514                                    | 5.514          | 5.293                          | 5.293          | 3.470                          | 3.470          | 1.823   | 1.823                          |                |

| STT           | Danh mục dự án <sup>(2)</sup>                                                                         | Địa điểm XD                                      | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                         | Thời gian KC HT | Quyết định phê duyệt dự án/nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 |                | Kế hoạch vốn năm 2026          |                | Dự kiến kế hoạch năm 2027      |                | Ghi chú |                                |                          |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------|--------------------------------|--------------------------|
|               |                                                                                                       |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                           |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                  | TMDT                                     |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |         | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP           |
|               |                                                                                                       |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)           | Trong đó: NSDP |                                |                |                                |                |         |                                |                          |
| 2             | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bên phải kênh Ông Huyện đoạn giáp với phường Phước Thới                 | KV Thới Hòa (nay là Khu vực 7), P.Thới An Đông   | Đường giao thông khoảng 1093m x 4m, khoảng 04 vị trí công ngang đường, gia cố bờ sông những vị trí cách mép đường <=1,5m, di dời hệ thống điện - nước                                                                                     | 2026-2028       | 1421/QĐ-UBND ngày 08/6/2026                               | 8.698                                    | 8.698          | 8.290                          | 8.290          | 3.790                          | 3.790          | 4.500   | 4.500                          |                          |
| 3             | Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tại tổ 7, 8 khu vực Thới Thuận                                      | KV Thới Thuận (nay là Khu vực 9), P.Thới An Đông | Tuyến tổ 7 bên phải rạch Ông Bền: khoảng 756m, mặt đường 3,0m - 4,0m; Tuyến tổ 8 bên trái rạch Ông Bền: khoảng 676mx4m; khoảng 10 vị trí công ngang đường, gia cố bờ sông những vị trí cách mép đường <=1,5m, di dời hệ thống điện - nước | 2026-2028       | 1422/QĐ-UBND ngày 08/6/2026                               | 12.754                                   | 12.754         | 11.255                         | 11.255         | 4.868                          | 4.868          | 6.387   | 6.387                          |                          |
| 4             | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường dân sinh cầu Thới Ninh cập theo kinh Ông Tường đến rạch Miếu Trắng      | KV Thới An (nay là Khu vực 7), P.Thới An Đông    | Đường dân sinh cầu Thới Ninh cập kinh Ông Tường đến Rạch Miếu Trắng: 2.321x4m, xây dựng 01 cầu bê tông, khoảng 18 vị trí công ngang đường, gia cố bờ sông những vị trí cách mép đường <=1,5m, di dời hệ thống điện - nước                 | 2026-2028       | 1423/QĐ-UBND ngày 08/6/2026                               | 19.969                                   | 19.969         | 19.032                         | 19.032         | 6.955                          | 6.955          | 11.477  | 11.477                         |                          |
| 5             | Tuyến đường dẫn cầu Bà Kè, khu vực Thới Thạnh                                                         | KV Thới Thanh (nay là Khu vực 7) P.Thới An Đông  | Đường giao thông 225mx4m, di dời hệ thống điện                                                                                                                                                                                            | 2026-2028       | 1424/QĐ-UBND ngày 08/6/2026                               | 1.606                                    | 1.606          | 1.530                          | 1.530          | 1.320                          | 1.320          | 210     | 210                            |                          |
| 6             | Nâng cấp, cải tạo Hẻm 71 đường Lê Hồng Phong (từ đường Lê Hồng Phong đến hẻm 18 đường Hồ Trung Thành) | KV 3 (nay là khu vực 5), P.Thới An Đông          | Đường giao thông 455m x 4m                                                                                                                                                                                                                | 2026-2028       |                                                           | 7.488                                    | 7.488          | 7.488                          | 7.488          | 550                            | 550            | 1.000   | 1.000                          | chuyển tiếp qua năm 2028 |
| 7             | Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bên trái và bên phải rạch Cây Dong hướng về kinh Ông Tường              | KV Thới Thanh (nay là khu vực 7), P.Thới An Đông | 900x4m, 01 cầu bê tông                                                                                                                                                                                                                    | 2026-2028       |                                                           | 8.760                                    | 8.760          | 8.760                          | 8.760          | 650                            | 650            | 1.000   | 1.000                          | chuyển tiếp qua năm 2028 |
| Lĩnh vực y tế |                                                                                                       |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                                           | 4.287                                    | 4.287          | 4.168                          | 4.168          | 2.982                          | 2.982          | 1.186   | 1.186                          |                          |

| STT | Danh mục dự án <sup>(2)</sup>                                                    | Địa điểm XD                                     | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời gian KC HT | Quyết định phê duyệt dự án/nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền |                                |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 |                | Kế hoạch vốn năm 2026          |                | Dự kiến kế hoạch năm 2027      |                | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------|
|     |                                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                  | TMDT                           |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)           | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |         |
|     |                                                                                  |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                          |                |                                |                |                                |                |         |
| 1   | Cải tạo, sửa chữa 02 trụ sở Trạm Y tế phường Thới An Đông                        | P.Thới An Đông                                  | Điểm chính: sơn lại toàn khối nhà chính, thay mái, trần, chống thấm sân, cải tạo khu vệ sinh, ốp gạch tường hành lang; cạo sơn, sơn lại toàn bộ hàng rào; xây dựng mới phòng tiêm chủng và kho; mái che khu vực sân; bảng tên trạm; sửa chữa hệ thống PCCC<br>Điểm Trả Nóc (cũ): thay gạch nền, cạo sơn, bả matit và sơn nước, xử lý tường bị thấm phòng truyền thông, xét nghiệm, ô cầu thang bộ, khu bếp, sơn tay vịn cầu thang, lan can ngoài; thay 8 bộ xi bet, lắp 4 máy lạnh hội trường, làm mái đón, mái che hội trường, cải tạo sân; bảng tên trạm; sửa chữa hệ thống PCCC | 2026-2028       | 1468/QĐ-UBND ngày 11/6/2026                               | 4.287                          | 4.287          | 4.168                                    | 4.168          | 2.982                          | 2.982          | 1.186                          | 1.186          |         |
|     | Lĩnh vực thủy lợi                                                                |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                                           | 7.393                          | 7.393          | 7.117                                    | 7.117          | 2.880                          | 2.880          | 3.237                          | 3.237          |         |
| 1   | Nạo vét kênh kết hợp đắp đê bao khép kín Đoạn từ tổ 1 đến tổ 6 khu vực Thới Long | KV Thới Long (nay là Khu vực 8), P.Thới An Đông | Nạo vét tuyến kênh chiều dài 1.850m, đắp đê bao 1 bên mặt đê rộng 3m, kết hợp làm đường bê tông 2m, gia cố bờ sông những vị trí sạt lở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2026-2028       | 1469/QĐ-UBND ngày 11/6/2026                               | 7.393                          | 7.393          | 7.117                                    | 7.117          | 2.880                          | 2.880          | 3.237                          | 3.237          |         |
|     | Lĩnh vực Quản lý nhà nước                                                        |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                                           | 14.303                         | 14.303         | 13.967                                   | 13.967         | 3.935                          | 3.935          | 4.832                          | 4.832          |         |

| STT | Danh mục dự án <sup>(2)</sup>                                                                                                                                                                  | Địa điểm XD     | Năng lực thiết kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thời gian KC HT | Quyết định phê duyệt dự án/nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền |                                |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 |                | Kế hoạch vốn năm 2026          |                | Dự kiến kế hoạch năm 2027      |                | Ghi chú                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------|
|     |                                                                                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                  | TMDT                           |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)           | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                          |
|     |                                                                                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                          |                |                                |                |                                |                |                          |
| 1   | Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Ban Chỉ huy quân sự, Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp                                                                                                 | P.Thới An Đông  | Ban chỉ huy quân sự: cải tạo dãy nhà làm việc, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, xây mới 3 phòng làm việc, xây mới hội trường, xây mới nhà xe, hàng rào, sân, hệ thống cấp thoát nước<br>Trung tâm dịch vụ tổng hợp: sơn mới toàn bộ khối nhà, thay tole mái, chống thấm, thay trần, dán gạch cột sảnh, thay gạch nền một số vị trí, hệ thống điện, đèn, quạt, máy lạnh, ốp gạch tường các phòng, sơn cửa sắt, cải tạo khu vực vệ sinh, cải tạo các phòng chức năng, sơn toàn bộ hàng rào, bảng tên các phòng, bảng hiệu trung tâm và sửa chữa nhỏ một số công tác khác.<br>Trung tâm văn hóa: sơn toàn bộ khối nhà, nâng nền tầng trệt, cải tạo cửa đi, cải tạo khu vệ sinh, thay trần, cải tạo sân, thoát nước, cải tạo hàng rào và sửa chữa nhỏ một số công tác khác | 2026-2028       | 1597/QĐ-UBND ngày 29/6/2026                               | 7.503                          | 7.503          | 7.167                                    | 7.167          | 3.335                          | 3.335          | 3.832                          | 3.832          |                          |
| 2   | Lắp đặt bảng tuyên truyền, bảng cổng chào trên địa bàn phường Thới An Đông                                                                                                                     | P. Thới An Đông |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2026-2028       |                                                           | 6.800                          | 6.800          | 6.800                                    | 6.800          | 600                            | 600            | 1.000                          | 1.000          | chuyển tiếp qua năm 2028 |
| III | Công trình chuẩn bị đầu tư năm 2027                                                                                                                                                            |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |                                                           | 31.200                         | 31.200         | 31.200                                   | 31.200         | -                              | -              | 4.200                          | 4.200          |                          |
|     | Lĩnh vực giáo dục                                                                                                                                                                              |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                 |                                                           | 19.200                         | 19.200         | 19.200                                   | 19.200         | -                              | -              | 3.300                          | 3.300          |                          |
| 1   | Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phòng, lớp Trường Mầm non Thới An Đông và Tiểu học Trà Nóc 4 (nay là Trường Mầm non Thới An Đông (trường chính) và Trường Tiểu học Thới An Đông (phần hiệu 2)) | P. Thới An Đông |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2027-2029       |                                                           | 13.200                         | 13.200         | 13.200                                   | 13.200         |                                |                | 1050                           | 1050           |                          |
| 2   | Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phòng, lớp Trường Mầm non Trà An (nay là Trường Mầm non Thới An Đông (phần hiệu 2))                                                                            | P. Thới An Đông |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2027-2029       |                                                           | 6.000                          | 6.000          | 6.000                                    | 6.000          |                                |                | 450                            | 450            |                          |
| 3   | Nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới phòng, lớp Trường Tiểu học Trà Nóc 2 (nay là Trường Tiểu học Thới An Đông (phần hiệu 1))                                                                       | P. Thới An Đông |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2027-2029       |                                                           | 24.000                         | 24.000         | 24.000                                   | 24.000         |                                |                | 1800                           | 1800           |                          |

| STT | Danh mục dự án <sup>(2)</sup>                                                                                     | Địa điểm XD     | Năng lực thiết kế | Thời gian KC HT | Quyết định phê duyệt dự án/nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền |                                |                | Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 |                | Kế hoạch vốn năm 2026          |                | Dự kiến kế hoạch năm 2027      |                | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|---------|
|     |                                                                                                                   |                 |                   |                 | Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành                  | TMDT                           |                | Tổng số (tất cả các nguồn vốn)           | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |         |
|     |                                                                                                                   |                 |                   |                 |                                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSDP |                                          |                |                                |                |                                |                |         |
|     | Lĩnh vực văn hóa                                                                                                  |                 |                   |                 |                                                           | 12.000                         | 12.000         | 12.000                                   | 12.000         |                                |                | 900                            | 900            |         |
| 1   | Xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng, sửa chữa trụ sở các cơ quan và các Nhà văn hóa các khu vực phường Thới An Đông | P. Thới An Đông |                   | 2027-2029       |                                                           | 12.000                         | 12.000         | 12.000                                   | 12.000         |                                |                | 900                            | 900            |         |